

TRƯỜNG ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI
KHOA NGOẠI NGỮ
BỘ MÔN TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 4

Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Ngành/Chuyên ngành: Kế toán

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: TIẾNG ANH 4 (ENGLISH 4)
- Mã học phần: DCB.04.09
- Số tín chỉ: 4 (60 tiết)
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: (số lượng tiết)
 - + Lý thuyết: 35 tiết
 - + Bài tập: 22 tiết
 - + Kiểm tra: 03 tiết
 - + Tự học có hướng dẫn: 90 tiết
- Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tiếng Anh chuyên ngành
- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):

(1) Họ và tên: ThS. Phạm Hồng Phượng

Chức danh: Giảng viên

Thông tin liên hệ: ĐT: 0902075299; Email:

phuongphamhong84@gmail.com

(2) Họ và tên: ThS. Nguyễn Thị Hồng Mai

Chức danh: Giảng viên.

Thông tin liên hệ: ĐT: 0342445354; Email: hongmai1910@gmail.com

(3) Họ và tên: ThS. Nguyễn Thị Mai

Chức danh: Giảng viên

Thông tin liên hệ: ĐT: 0904371939; Email: nguyenmai08@gmail.com

2. Các học phần tiên quyết: Tiếng Anh 3

3. Mục tiêu của học phần:

3.1 Mục tiêu chung:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức Tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành Tài chính; đồng thời giúp sinh viên học hỏi thêm nhiều kinh nghiệm thực tiễn qua các phần chia sẻ, phỏng vấn từ những người làm việc trong nhiều lĩnh vực khác nhau của ngành Tài chính.

3.2 Mục tiêu cụ thể

a) **Về kiến thức:** Cung cấp cho sinh viên các kiến thức Tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành Tài chính gồm:

(1) Từ vựng và thuật ngữ chuyên môn đa dạng ở nhiều lĩnh vực: tài chính, kế toán, ngân hàng, bảo hiểm...

(2) Hiểu biết cơ bản về các kỹ năng cần thiết khi làm trong ngành Tài chính như kỹ năng tạo ấn tượng tốt khi đi phỏng vấn, kỹ năng thuyết trình và đàm phán, quy tắc ứng xử trong cuộc họp...

(3) Các mẫu câu cơ bản sử dụng khi đi phỏng vấn xin việc, khi thuyết trình hay trả lời khiếu nại từ khách hàng...

b) Về kỹ năng:

(1) Củng cố kỹ năng nghe hiểu ý chính, nghe để lấy thông tin cụ thể nhằm hoàn thành các dạng bài Đúng – Sai; Điền vào chỗ trống; Trả lời câu hỏi ngắn...

(2) Củng cố kỹ năng đọc hiểu: đọc lướt, đọc quét, đọc lấy ý chính, đọc tìm thông tin cụ thể.

(3) Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, đưa ra quan điểm cá nhân.

(4) Củng cố kỹ năng viết trong một số tình huống thực tiễn như trả lời khiếu nại từ khách hàng, gửi thông tin qua email cho đồng nghiệp, viết báo cáo đơn giản...

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng Tiếng anh chuyên ngành cho công việc trong thời kỳ hội nhập quốc tế; từ đó chủ động trau dồi thêm kiến thức và tăng cường sử dụng Tiếng anh nhiều hơn ngoài giờ học chính khóa.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

4.1. Nội dung chuẩn đầu ra học phần:

CLO 01: Vận dụng được kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh về các chủ đề liên quan đến ngành Tài chính, nhằm tác nghiệp trong lĩnh chuyên môn.

CLO 02: Có khả năng nghe hiểu – đọc hiểu thông tin cơ bản từ các nguồn tin về ngành Tài chính bằng tiếng Anh.

CLO 03: Có khả năng trao đổi và viết về các vấn đề cơ bản liên quan đến công việc chuyên môn bằng tiếng Anh.

CLO 04: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có khả năng tự học tiếng Anh chuyên ngành ngoài giờ lên lớp.

Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần.

4.2. Ma trận nhất quán giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO):

	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
CLO 1							M			
CLO 2							H			
CLO 3			M							

CLO 4			M							
TỔNG HỢP TOÀN BỘ HỌC PHẦN			M				H			

❖ Trong đó:



❖ Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

❖ L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

❖ M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

❖ H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

❖ **4.3. Ma trận nhất quán giữa phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)**

	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4
Phương pháp thuyết giảng	H		H	
Phương pháp phát vấn	H	M	H	M
Phương pháp dạy học nhóm, cặp (thảo luận, làm bài tập, bài tập lớn theo nhóm)	H	H	H	M
Hướng dẫn tự học	M	M	M	H
Thuyết trình tích cực	H	H	H	H

❖ Trong đó:

❖ Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

❖ L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

❖ M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

❖ H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

❖ **4.4. Ma trận nhất quán giữa phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá với chuẩn đầu ra học phần (CLO)**



Hình thức đánh giá	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4
Chuyên cần (tham gia đủ 100% số buổi)				H
Hoạt động cá nhân tại lớp (phát biểu, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV)	H	H	H	M

Hoạt động cá nhân tại nhà (tự học ở nhà theo y/c của gv, tìm kiếm tài liệu, làm bài tập về nhà, viết chuyên đề)	M	M	M	M
Hoạt động nhóm (chuẩn bị bài thuyết trình, trình bày bài thuyết trình, phát biểu bảo vệ ý kiến của nhóm tại lớp)	H	H	H	H
Thực hành (tập diễn tình huống, thực tập, chữa bài tập)	H	H	H	M
Kiểm tra giữa kỳ	H	H	H	M
Kiểm tra cuối kỳ (tự luận/ vấn đáp/ trắc nghiệm)	H	H	H	M

❖ Trong đó:

❖ Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

❖ L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

❖ M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

5. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;
- Bài tập, thảo luận:
 - + Đọc tài liệu và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Giáo trình chính:

- *Finance 1* (Unit 1 – 6); Richard Clark & David Baker; Oxford University Press, 2011

- Tài liệu tự học học phần Tiếng Anh 4 (English 4 Self-study); Khoa Ngoại ngữ biên soạn, 2019.

6.2. Sách tham khảo:

- *Test your business vocabulary in use Intermediate*; Tricia Aspinall & George Bethell; Cambridge, 2003

- *Target TOEIC* (Second edition); Anne Taylor; Compass Publishing, 2006

7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 là khối lượng kiến thức của 06 bài đầu (Unit 1 – Unit 6) trong giáo trình *Finance 1* do tác giả Richard Clark và David Baker biên soạn. Học phần được thiết kế nhằm cung cấp khối lượng lớn từ

vững và thật ngữ chuyên ngành, đồng thời cung cấp hiểu biết thực tiễn về các lĩnh vực liên quan đến ngành Tài chính. Mỗi unit tập trung vào một chủ đề, được thể hiện qua các phần Từ vựng, Ngữ pháp, Phát âm, các phần kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết. Ngoài ra, mỗi unit còn trình bày về một kỹ năng cần thiết khi làm trong ngành Tài chính như kỹ năng tạo ấn tượng tốt khi đi phỏng vấn, kỹ năng thuyết trình và đàm phán, quy tắc ứng xử trong cuộc họp, trả lời khiếu nại từ khách hàng...

8. Kế hoạch giảng dạy:

	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Tự học	CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
Buổi 1	Bài 1: Choosing jobs (Từ trang 4 đến trang 6)	2 lý thuyết 1 bài tập	5	CLO 01 CLO 02 CLO 03	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 2	Bài 1: Choosing jobs (Từ trang 7 đến trang 9)	2 lý thuyết 1 bài tập	5	CLO 01 CLO 02 CLO 03	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 3	Bài 1: Choosing jobs (Từ trang 10 đến trang 11)	2 lý thuyết 1 bài tập	5	CLO 01 CLO 02 CLO 03	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 4	Bài 2: Personal finance (Từ trang 12 đến trang 14)	2 lý thuyết 1 bài tập	5	CLO 01 CLO 02 CLO 03	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 5	Bài 2: Personal finance (Từ trang 15 đến trang 17)	2 lý thuyết 1 bài tập	5	CLO 01 CLO 02 CLO 03	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 6	Bài 2: Personal finance (Từ trang 18 đến trang 19) Ôn tập và kiểm tra định kì lần 1	1 lý thuyết 1 bài tập 1 kiểm tra	5	CLO 01 CLO 02 CLO 03 CLO 04	- SV đọc trước giáo trình - SV ôn tập và làm bài kiểm tra
Buổi 7	Bài 3: Personal finance (Từ trang 20 đến trang 22)	2 lý thuyết 1 bài tập	5	CLO 01 CLO 02 CLO 03 CLO 04	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài

	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Tự học	CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
					liệu tự học
Buổi 8	Bài 3: Personal finance (Từ trang 23 đến trang 25)	2 lý thuyết 1 bài tập	5	CLO 01 CLO 02 CLO 03 CLO 04	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 9	Bài 3: Personal finance (Từ trang 26 đến trang 27)	2 lý thuyết 1 bài tập	5	CLO 01 CLO 02 CLO 03 CLO 04	- SV đọc trước giáo trình - SV ôn tập và làm bài kiểm tra
Buổi 10	Bài 4: Economic indicators (Từ trang 28 đến trang 30)	2 lý thuyết 1 bài tập	5	CLO 01 CLO 02 CLO 03	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 11	Bài 4: Economic indicators (Từ trang 31 đến trang 33)	2 lý thuyết 1 bài tập	4	CLO 01 CLO 02 CLO 03 CLO 04	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 12	Bài 4: Economic indicators (Từ trang 34 đến trang 35) Ôn tập và kiểm tra định kì lần 2	1 lý thuyết 1 bài tập 1 kiểm tra	4	CLO 01 CLO 02 CLO 03 CLO 04	- SV đọc trước giáo trình - SV ôn tập và làm bài kiểm tra
Buổi 13	Bài 5: Economic cycles (Từ trang 36 đến trang 38)	2 lý thuyết 1 bài tập	4	CLO 01 CLO 02 CLO 03 CLO 04	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 14	Bài 5: Economic cycles (Từ trang 39 đến trang 41)	2 lý thuyết 1 bài tập	4	CLO 01 CLO 02 CLO 03 CLO 04	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 15	Bài 5: Economic cycles (Từ trang 42 đến trang 43)	2 lý thuyết 1 bài tập	4	CLO 01 CLO 02 CLO 03 CLO 04	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 16	Bài 6: Economic sectors (Từ trang 44 đến trang 45)	2 lý thuyết 1 bài tập	4	CLO 01 CLO 02 CLO 03 CLO 04	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài

	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Tự học	CLO	Nhiệm vụ của sinh viên
					liệu tự học
Buổi 17	Bài 6: Economic sectors (Từ trang 46 đến trang 47)	2 lý thuyết 1 bài tập	4	CLO 01 CLO 02 CLO 03 CLO 04	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 18	Bài 6: Economic sectors (Từ trang 48 đến trang 49) Ôn tập và kiểm tra định kì lần 3	1 lý thuyết 1 bài tập 1 kiểm tra	4	CLO 01 CLO 02 CLO 03 CLO 04	- SV đọc trước giáo trình - SV ôn tập và làm bài kiểm tra
Buổi 19	Bài 6: Economic sectors (Từ trang 50 đến trang 51)	2 lý thuyết 1 bài tập	4	CLO 01 CLO 02 CLO 03 CLO 04	- SV đọc trước giáo trình - SV làm BT Workbook và tài liệu tự học
Buổi 20	Ôn tập thi hết học phần	3 bài tập	4	CLO02 CLO03 CLO04	SV ôn tập, GV chữa bài

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Giảng đường: Tên giảng đường được bố trí sắp xếp ngay khi có lịch báo giảng
- Danh mục trang thiết bị (bao gồm cả phương tiện công nghệ): máy tính, máy chiếu, máy trợ giảng.

10. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:

10.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá:

10.1.1. Các phương pháp đánh giá

- 1) Đánh giá chuyên cần (Tham gia học trên lớp; ý thức, thái độ, chất lượng tham gia các hoạt động học tập)
- 2) Đánh giá kiến thức, kỹ năng: Sinh viên hoàn thành bài thi trên giấy dạng trắc nghiệm và tự luận.

10.1.2. Các hình thức đánh giá

- a) Đánh giá thường xuyên (chuyên cần, thảo luận, báo cáo bài tập lớn)
- b) Đánh giá định kỳ (03 bài kiểm tra 45 phút dạng trắc nghiệm và tự luận)

STT	Dạng bài	Số câu hỏi	Điểm
1	Nghe: Trắc nghiệm chọn đáp án A, B, C, D và/hoặc điền thông tin vào bảng ghi chú, tóm tắt, v.v.	10	2
2	Từ vựng chuyên ngành: Trắc nghiệm chọn đáp án A, B, C, D hoặc chọn từ các từ cho sẵn điền vào chỗ trống	10	2

3	Đọc hiểu: Trắc nghiệm chọn đáp án A, B, C, D và/hoặc lựa chọn câu đúng/sai	10	3
4	Viết thư hồi đáp khiếu nại từ khách hàng hoặc viết câu hỏi đáp cho các tình huống cho sẵn.	1 thư hoặc 5 câu	3

Phần 1: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 2: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 3: Mỗi câu đúng 0,3 điểm; tổng: 3 điểm

Phần 4: Viết thư hoặc viết câu (mỗi câu đúng 0,5 điểm): 3 điểm

c) Đánh giá tổng kết: Thi kết thúc học phần theo bài thi giấy dạng tự luận thời gian 60 phút.

STT	Dạng bài	Số câu hỏi	Điểm
1	Chọn trong số 10 từ chuyên ngành cho sẵn để hoàn thành đoạn văn	10	2
2	Đọc hiểu và lựa chọn câu Đúng hoặc Sai	5	2
3	Nối từ chuyên ngành với định nghĩa tương ứng	10	2
4	Chia dạng đúng của động từ trong ngoặc có trong đoạn văn.	10	2
5	Viết hồi đáp cho các tình huống cụ thể	10	2

Phần 1: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 2: Mỗi câu đúng 0,4 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 3: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 4: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

Phần 5: Mỗi câu đúng 0,2 điểm; tổng: 2 điểm

10.2 Đánh giá mức độ đạt CDR của học phần

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Điểm chuyên cần	10	Đánh giá quá trình	Rubric	CLO 03	100%
01 bài kiểm tra 45 phút định kì lần 1	30	Trắc nghiệm và tự luận	Rubric	CLO 01	40%
				CLO 02	40%
				CLO 03	20%
01 bài kiểm tra 45 phút định kì lần 2		Trắc nghiệm và tự luận	Rubric	CLO 01	40%
				CLO 02	40%
				CLO 03	20%

01 bài kiểm tra 45 phút định kì lần 3		Trắc nghiệm và tự luận	Rubric	CLO 01 CLO 02 CLO 03	40% 40% 20%
Bài thi 60 phút kết thúc học phần	60	Tự luận	Rubric	CLO 01 CLO 02 CLO 03	40% 40% 20%

10.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

10.3.1 Các Rubric đánh giá bài kiểm tra tự luận trong kỳ và thi tự luận hết học phần

Tiêu chí đánh giá của từng câu hỏi trong đề thi	Mức chất lượng	Thang điểm %
<ul style="list-style-type: none"> – Nội dung đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi. – Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic. – Mắc 1-2 lỗi về thuật ngữ chuyên môn. – Còn vài lỗi chính tả. 	Mức A (Vượt quá mong đợi)	85 - 100
<ul style="list-style-type: none"> – Trả lời đúng 70-80% câu hỏi. – Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic. – Mắc ít lỗi (3-5) lỗi về thuật ngữ chuyên môn. – Có khá nhiều lỗi chính tả. 	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	70 - 84
<ul style="list-style-type: none"> – Trả lời đúng 50-60% câu hỏi. – Trình bày không rõ ý, chưa logic. – Mắc lỗi về thuật ngữ chuyên môn (trên 5 lỗi). – Nhiều lỗi chính tả. 	Mức C (Đạt)	55 - 69
<ul style="list-style-type: none"> – Trả lời đúng 40-50% câu hỏi. – Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 60%. – Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý. – Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn. – Nhiều lỗi chính tả. 	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	40 – 54
<ul style="list-style-type: none"> – Các trường hợp còn lại 	Mức F (Không đạt)	Dưới 40

10.3.2 Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
<ul style="list-style-type: none"> – Tham gia học tập trên lớp đạt trên 95% số tiết học – Tích cực tham gia thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập tốt 	Mức A (Vượt quá mong đợi)	8,5 - 10
<ul style="list-style-type: none"> – Tham gia học tập trên lớp đạt từ 90-95% số 	Mức B	7,0 - 8,4

<ul style="list-style-type: none"> – tiết học – Có tham gia thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập tốt 	(Đáp ứng được mong đợi)	
<ul style="list-style-type: none"> – Tham gia học tập trên lớp đạt từ 85-90% số tiết học – Ít tham gia thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập chưa cao 	Mức C (Đạt, song cần cải thiện)	5,5 - 6,9
<ul style="list-style-type: none"> – Tham gia học tập trên lớp đạt từ 80-85% số tiết học – Không tham gia thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập không nghiêm túc 	Mức D (Chưa đạt)	4,0 - 5,4

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2019

Trưởng Khoa

Trưởng bộ môn

Người soạn đề cương





ThS. Nguyễn Thị Định

ThS. Nguyễn Thị Định

ThS. Nguyễn Thị Hồng Mai